

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM 2023-2024 KHOÁ THI NGÀY: 6/06/2023
ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề thi gồm 4 trang)	MÔN THI: TIẾNG ANH Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Hướng dẫn giải

GV GIẢI ĐỀ - QUỲNH HƯƠNG

I. Choose the word / phrase / sentence (A,B,C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (3.5 pts)

1. CHỌN B

Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?

- A. mentioned B. consisted C. described D. studied

Kiến thức: Phát âm -ed

1. Đọc đuôi -ed là /ɪd/ khi âm cuối của từ kết thúc bằng 2 âm: /t/, /d/

Ví dụ: wanted, needed

2. Đọc đuôi -ed là /t/ khi âm cuối của từ kết thúc bằng các âm sau: /k/, /p/, /s/, /f/, /tʃ/, /ʃ/ (âm vô thanh)

Ví dụ: watched, cooked, danced

3. Đọc đuôi ed là /d/ khi âm cuối của từ kết thúc bằng: các âm còn lại (âm hữu thanh)

Ví dụ: loved, studied

- A. mentioned /d/ B. consisted /ɪd/ C. described /d/ D. studied /d/

2. CHỌN B

Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?

- A. village B. lighting C. litter D. river

Kiến thức: Phát âm -i-

- Nguyên âm "i" có 2 cách phát âm /i/, /ai/

- A. village /i/ B. lighting /ai/ C. litter /i/ D. river /i/

3. CHỌN D

Which word has a different stress pattern from that of the others ?

- A. refresh /rɪ'frɛʃ/ B. intend /ɪn'tend/ C. excite /ɪk'saɪt/ D. eager /'i:gə/

Kiến thức: Trọng âm từ có 2 âm tiết

- Đáp án D nhấn âm 1, các đáp án còn lại nhấn âm 2

4. CHỌN B

Which word has a different stress pattern from that of the others?

- A. happening B. responses C. benefit D. prisoner

Kiến thức: Trọng âm từ có 3 âm tiết

- Đáp án B nhấn âm thứ 2, các đáp án còn lại nhấn âm 1

- A. happening /'hæpɪnɪŋ/ B. responses /rɪs'pɒnsɪz/ C. benefit /'benɪfɪt/ D. prisoner /'prɪznə/

5. CHỌN B

Student: Innovations in technology are very important. Teacher: Sure. They can both save money _____ conserve the Earth's resources.

- A. as B. and C. but D. or

Kiến thức: Liên từ

- both A and B: Cả A và B/ Vừa A vừa B

Dịch: Sinh viên: Những đổi mới trong công nghệ là rất quan trọng. Giáo viên: Chắc chắn rồi. Họ vừa có thể tiết kiệm tiền vừa bảo tồn tài nguyên của Trái đất.

6. CHỌN C

Harry: When do the Vietnamese celebrate their Independence Day? Lan: They celebrate it __ September 2nd

- A. in B. at C. on D. of

Kiến thức: Giới từ chỉ thời gian

- ON + date (ngày tháng (năm))

Dịch: Harry: Người Việt Nam kỷ niệm Ngày Độc lập khi nào? Lan: Họ ăn mừng nó vào ngày 2 tháng 9.

7. CHỌN B

David: Which natural _____ usually occurs in the United States?

Nancy: Tornados quite often strike the nation.

A. pollution **B.** disaster **C.** extinction **D.** hurricane

Kiến thức: Cụm từ cố định

- natural disaster: thiên tai, thảm họa thiên nhiên

Dịch:

David: Thảm họa thiên nhiên nào thường xảy ra ở Hoa Kỳ?

Nancy: Lốc xoáy khá thường xuyên tấn công quốc gia.

8. CHỌN C

Thomas: What is the weather like in Ho Chi Minh city in summer?

Tai Nguyen: It's often hot. The temperatures are normally _____ 29°C and 38°C

A. from **B.** at **C.** between **D.** into

Kiến thức: Cụm từ cố định

- from A to B: từ A tới B

- between A and B: giữa A và B

Dịch: Thomas: Thời tiết ở thành phố Hồ Chí Minh vào mùa hè như thế nào?

Tai Nguyen: Trời thường nóng. Nhiệt độ thường từ 29 đến 38 độ C.

9. CHỌN A

Mike: We're looking for a talented artist for the music program next month. Sarah: My friend Anna, _____ sings folk songs very well, may be suitable.

A. who **B.** whom **C.** which **D.** whose

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

- who: đại từ quan hệ thay thế cho từ chỉ người (thường đóng vai trò chủ ngữ)

- whom: đại từ quan hệ thay thế cho từ đóng vai trò tân ngữ

- which: đại từ quan hệ thay thế cho từ chỉ vật

- whose: đại từ quan hệ thay thế cho tính từ sở hữu

Dịch: Mike: Chúng tôi đang tìm kiếm một nghệ sĩ tài năng cho chương trình âm nhạc vào tháng tới. Sarah: Bạn Anna của tôi, người hát dân ca rất hay, có thể phù hợp.

10. CHỌN A

Mark: What do you think about your Chemistry teacher?

Helen: He's great. He always _____ his students to do their best.

A. encourages **B.** sends **C.** lets **D.** makes

Kiến thức: Từ vựng

A. encourage (v): khuyến khích

B. send (v): gửi

C. let (v): để

D. make (v): làm

Ta có cụm từ: encourage O to V

Dịch: Mark: Bạn nghĩ gì về giáo viên Hóa học của mình?

Helen: Anh ấy rất tuyệt. Ông luôn khuyến khích các học trò của mình cố gắng hết sức.

11. CHỌN D

Dad: How's Kevin at his new school?

Mom: He has no difficulty making friends and _____ on pretty well.

A. get **B.** got **C.** was getting **D.** is getting

Kiến thức: Sự hòa hợp của thì

- Trong câu có 2 hành động liên kết bằng liên từ "and" => 2 hành động ở cùng thì

- Hành động "has no difficulty..." dùng thì hiện tại đơn => Hành động còn lại dùng thì hiện tại => Loại B, C

- Chủ ngữ là "He" => Động từ chia theo chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít => Loại A

Dịch:

Bố: Kevin ở trường mới thế nào?

Mẹ: Anh ấy không gặp khó khăn gì trong việc kết bạn và hòa thuận khá tốt.

12. CHỌN C

Long: How do artists get ideas for their works?

Khoa: Dreams might be their source of _____

A. convenience **B.** advantage **C.** inspiration **D.** entertainment

Kiến thức: Từ vựng

A. convenience (n): tiện ích

B. advantage (n): lợi ích

C. inspiration (n): nguồn cảm hứng

D. entertainment (n): sự giải trí

Dịch:

Long: Các họa sĩ lấy ý tưởng cho tác phẩm của mình như thế nào?

Khoa: Ước mơ có thể là nguồn cảm hứng của họ.

13. CHỌN A

David:

Daisy: Still a little worried about it now, to be honest.

A. Good luck in the exam!

B. Have a nice weekend!

C. Until then, bye bye!

D. I'll be there!

Kiến thức: Giao tiếp

Dịch:

David: Chúc may mắn trong kỳ thi!

Daisy: Thành thật mà nói, bây giờ vẫn còn hơi lo lắng về điều đó.

14. CHỌN D

Emma: I'm sorry, I was stuck in a traffic jam.

Mark:

A. That's a good idea.

B. Yes, you're right.

C. I can't agree with you more.

D. That's OK. We've just started.

Kiến thức: Giao tiếp

Dịch: Emma: Tôi xin lỗi, tôi bị kẹt xe.

Mark: Không sao đâu. Chúng tôi chỉ vừa mới bắt đầu.

II. Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A,B,C or D) for questions 15 and

16.(0.5pt)

(Từ câu 15 đến câu 16, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A,B,C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào Phần ANSWERS.)

15. CHỌN D

What does the sign say?



A. You can't use water for free here.

B. You can't touch the faucet in use.

C. Don't turn off the water tap.

D. Don't leave the water tap on after use.

Dịch: Biển báo nói gì?

A. Bạn không thể sử dụng nước miễn phí ở đây.

B. Bạn không thể chạm vào vòi đang sử dụng.

C. Không tắt vòi nước.

D. Không để vòi nước mở sau khi sử dụng.

16. CHỌN D

CREATIVITY CONTEST

Word limit: 300

Topic: Our Future City

Submission Deadline:

14:00, June 6°, 2023

What does the notice tell us about?

- A. Candidates will design their future in 300 words.
- B. Candidates will talk about their city in the future in 5 hours.
- C. Candidates will create their future city within 300 minutes.
- D. Candidates will write about their future city within 300 words.

Dịch: Thông báo cho chúng ta biết điều gì?

- A. Thí sinh sẽ thiết kế tương lai của mình trong 300 từ.
- B. Thí sinh sẽ nói về thành phố của họ trong tương lai trong 5 giờ.
- C. Thí sinh sẽ tạo thành phố tương lai của mình trong vòng 300 phút.
- D. Thí sinh sẽ viết về thành phố tương lai của họ trong vòng 300 từ.

Thông báo: CUỘC THI SÁNG TẠO

Giới hạn từ: 300

Chủ đề: Thành phố tương lai của chúng ta

Hạn chót nộp hồ sơ: 14:00, Tháng sáu

III. Choose the word (A,B,C or D) that best fits each space in the following passage. (1.5 pts)

ANSWERS.)

Good evening. Welcome to our Fun Science Program. This week we have received a lot of questions about life on the moon. We have talked to some experts and these are what we have (17) _____ out. There is no water or air on the moon. It is all silent (18) _____ there is no air. Of course there will be no music, no sounds. There are no rivers and no lakes. At night it is very cold. The (19) _____ goes down to 151°C below zero. But during the day it rises to 100°C above zero.

There are great round holes on the moon. They are called craters. There are more than 30,000 of them. There are also high mountains. The (20) _____ mountains on the moon are about 26,000 feet or 8,000 meters. And here is something very interesting for you (21) _____ on the moon you weigh one sixth of what you weigh on the earth. If you weigh 50 kilos, on the moon you will weigh only a little more than 8 kilos. You will be able to jump very high, (22) _____ higher than any high jump Olympic champions. You can take very long steps as well. And. Maybe you won't sleep very well because one day on the moon lasts two weeks. So, is there life on the moon? I'll leave the question for you to answer yourselves in the group discussion.

17. **CHỌN A**

- A. found
- B. known
- C. brought
- D. learned

Kiến thức: Cụm động từ - Phrasal verb

- find out (v): tìm ra, khám phá ra

- bring out (v): đưa ra, làm nổi bật

Dịch: Chúng tôi đã nói chuyện với một số chuyên gia và đây là những gì chúng tôi đã tìm ra.

18. **CHỌN B**

- A. but
- B. because
- C. though
- D. while

Kiến thức: Liên từ

- but: nhưng

- because: vì

- though: mặc dù

- while: trong khi

Dịch: Tất cả đều im lặng vì không có không khí.

19. **CHỌN A**

- A. temperature
- B. climate
- C. weather
- D. heat

Kiến thức: Từ vựng

- temperature (n): nhiệt độ

- climate (n): khí hậu

- weather (n): thời tiết

- heat (n): nhiệt

Dịch: Nhiệt độ giảm xuống âm 151oC.

20. **CHỌN C**

- A. strongest
- B. deepest
- C. highest
- D. tallest

Kiến thức: Từ vựng

- strongest (adj): khỏe nhất

HIGH vs TALL:

+ We use **high** for mountains for things which are a long way above the ground (usually large in size)

+ We use tall to describe things which are high and thin in their shape (e.g. buildings, trees)

Dịch: Những ngọn núi cao nhất trên mặt trăng là khoảng 26.000 feet hoặc 8.000 mét.

21. CHỌN D

A. knowing **B.** known **C.** know **D.** to know

Kiến thức: Từ loại

- Cấu trúc: It's + adj + (for O) + TO VERB

Dịch: Và đây là một điều rất thú vị để bạn biết rằng trên mặt trăng, bạn nặng bằng một phần sáu trọng lượng của bạn trên trái đất.

22. CHỌN C

A. more **B.** only **C.** even **D.** very

Kiến thức: Từ vựng

- more: hơn
- only: chỉ
- even: thậm chí
- very: rất

Địch: Bạn sẽ có thể nhảy rất cao, thậm chí cao hơn bất kỳ nhà vô địch nhảy cao Olympic nào.

IV. Read the following passage. Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A,B,C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts)

(Từ câu 23 đến câu 26, thí sinh viết đầy đủ từ True hoặc False vào ô trả lời. Mọi cách viết khác đều không được ANSWERS.)

Of all the holidays, I think the best is Mother's Day. It is very special to a rather big family like mine. I realize how much Mother has done for years, and all the wonderful things she has done for her children. So this year Father, my two sisters and I, the only boy in the family, decided to make Mother's Day a special occasion for our Mother. Father took a holiday from his office; my sisters and I came home from school after lunch. We planned to make it a day just like Christmas. We decorated the house with colorful flowers, candles and a small greeting over the fireplace. Mother usually did so at Christmas by herself. My sisters dressed themselves in their best. Father wore the new tie that Mother had bought for him on his birthday. I was so excited with the idea that I was the person who bought Mother a new silk hat from the money Father had secretly given to me before. We wanted to give Mother a big surprise. We hired a motor car which would take us all for a beautiful drive into the country nearby. Mother rarely had a treat like that. She is busy cooking and cleaning almost all the time. And of course, the country would be so lovely, the driving over miles of greenery in the country would be specially exciting to Mother. Mother deserved them all.

23. TRUE

This is a family with five members.

Dịch: Đây là một gia đình có năm thành viên.

Thông tin: So this year Father, my two sisters and I, the only boy in the family, decided to make Mother's Day a special occasion for our Mother. (Vì vậy, năm nay Cha, hai chị gái của tôi và tôi, đứa con trai duy nhất trong gia đình, quyết định biến Ngày của Mẹ thành một dịp đặc biệt dành cho Mẹ của chúng tôi.)

24. FALSE

The children stayed at home from school all day to celebrate Mother's Day.

Dịch: Những đứa trẻ nghỉ học ở nhà cả ngày để chào mừng Ngày của Mẹ.

Thông tin: ...my sisters and I came home from school after lunch. (...các chị em tôi và tôi đi học về sau bữa trưa.)

25. FALSE

The children always helped their Mother to decorate the house for Christmas.

Dịch: Những đứa trẻ luôn giúp mẹ trang trí nhà cho Giáng sinh.

Thông tin: We decorated the house with colorful flowers, candles and a small greeting over the fireplace.

Mother usually did so at Christmas by herself. (Chúng tôi trang trí ngôi nhà với hoa đầy màu sắc, nến và một lời chào nhỏ trên lò sưởi. Mẹ thường làm như vậy vào Giáng sinh một mình.)

26. TRUE

The boy in the family was responsible for buying Mother a silk hat as a gift.

Dịch: Chàng trai trong gia đình có trách nhiệm mua cho mẹ một chiếc nón lụa để làm quà.

Thông tin:

- So this year Father, my two sisters and I, the only boy in the family... (Vì vậy, năm nay Cha, hai chị em tôi và tôi, đưa con trai duy nhất trong gia đình...)

- I was so excited with the idea that I was the person who bought Mother a new silk hat from the money...

(Tôi đã rất phấn khích với ý nghĩ rằng tôi là người đã mua cho Mẹ một chiếc mũ lụa mới từ số tiền...)

27. CHỌN A

The passage is about

A. how the family prepared a Mother's Day

B. what holiday is the best for the family

C. how exciting a drive to the country was

D. when people celebrate Mother's Day

Dịch: Đoạn văn nói về

A. gia đình đã chuẩn bị Ngày của Mẹ như thế nào

B. ngày lễ nào là tốt nhất cho gia đình

C. chuyến đi đến đất nước thú vị như thế nào

D. khi mọi người kỷ niệm Ngày của Mẹ

28. CHỌN C

The Mother in the story

A. took a holiday from the office

B. was dressed in her best on Mother's Day

C. is very often busy with housework

D. enjoys driving her children to the country

Dịch: Người mẹ trong truyện

A. đi nghỉ ở văn phòng

B. mặc đẹp nhất vào Ngày của Mẹ

C. rất bận rộn với công việc nhà

D. thích lái xe chở con về quê

Thông tin: She is busy cooking and cleaning almost all the time. (Cô ấy bận nấu nướng và dọn dẹp hầu như mọi lúc.)

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

(Từ câu 29 đến câu 34, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

29. AI like ChatGPT is believed to be _____ in the search of information. (benefit)

Đáp án: beneficial (adj): có lợi

Giải thích: Khoảng trống nằm sau động từ to be "be", trước giới từ "in" => Cần một tính từ

Dịch: Trí thông minh nhân tạo (AI) như ChatGPT được cho là có ích trong việc tìm kiếm thông tin.

30. Minh Thu, the youngest _____ won the special prize for "Promising Voice", (contest)

Đáp án: contestant (n): thí sinh

Giải thích: Khoảng trống nằm sau tính từ "the youngest" => Cần một danh từ

Dịch: Minh Thu, thí sinh nhỏ tuổi nhất giành giải Đặc biệt Giọng ca triển vọng

31. The earthquake in Turkey destroyed several villages and many people became _____ (home)

Đáp án: homeless

Giải thích: Khoảng trống nằm sau động từ "become", ta có cấu trúc "become + adj" => Cần một tính từ

Dịch: Trận động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ đã phá hủy một số ngôi làng và nhiều người trở thành vô gia cư.

32. _____ all buildings in Sweden have been heated by solar energy. (near)

Đáp án: Nearly (adv): hầu như, gần như

Giải thích: Khoảng trống nằm trước tính từ "all" => Cần một trạng từ

Dịch: Gần như tất cả các tòa nhà ở Thụy Điển đã được sưởi ấm bằng năng lượng mặt trời.

33. In _____ we really need to do something about our neighborhood. (conclude)

Đáp án: conclusion (n): kết luận

Giải thích: Khoảng trống nằm sau giới từ "in" => Cần một danh từ

Dịch: Tóm lại, chúng ta thực sự cần phải làm điều gì đó về khu phố của chúng ta.

34. I spent some time _____ because I just didn't know which website was useful for me. (surf)

Đáp án: surfing (V-ing): lướt

Giải thích: Ta có cấu trúc "spend + time/money + V-ing" => Cần một V-ing

Dịch: Tôi đã dành thời gian lướt web vì tôi không biết trang web nào hữu ích cho mình.

VI. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences.

(0.5pt) (Từ câu 35 đến câu 36, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

35. Nuclear power / to our environment / but also dangerous / is not only expensive / . / I

Đáp án: Nuclear power is not only expensive but also dangerous to our environment.

Dịch: Năng lượng hạt nhân không chỉ đắt tiền mà còn nguy hiểm cho môi trường của chúng ta.

36. The host band / a mashup of their hit songs / started off the concert/ by presenting / . /\

Đáp án: The host band started off the concert by presenting a mashup of their hit songs.

Dịch: Ban nhạc chủ nhà bắt đầu buổi hòa nhạc bằng cách trình bày một bản mashup các bài hát nổi tiếng của họ.

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1.0pt)

(Từ câu 37 đến câu 40, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWERS.)

37. Change the way you learn vocabulary, and you can improve your English.

→ If you _____

Đáp án: If you change the way you learn vocabulary, you can improve your English.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

+ Cách dùng: Diễn tả sự việc có thể diễn ra ở hiện tại hoặc trong tương lai

+ Cấu trúc: If + S + V(s/es), S + will (not) + V-bare.

Dịch: Thay đổi cách bạn học từ vựng, và bạn có thể cải thiện tiếng Anh của mình.

=> Nếu bạn thay đổi cách học từ vựng, bạn có thể cải thiện tiếng Anh của mình.

38. "Why don't we collect those empty bottles for recycling?" said Robert.

→ Robert suggested that those _____

Đáp án: Robert suggested that those empty bottles (should) be collected for recycling.

Kiến thức: Câu tường thuật

- Cấu trúc câu tường thuật với "suggest"

* S + suggest + V-ing

* S + suggest + (that) + S + (should) + V-bare

Lưu ý: Mệnh đề theo sau động từ suggest dùng động từ nguyên mẫu cho tất cả các ngôi.

Dịch: Robert nói: "Tại sao chúng ta không thu thập những chai rỗng đó để tái chế?".

=> Robert gợi ý rằng (nên) thu gom những chai rỗng đó để tái chế.

39. Because Tom is very lazy, he can't get good marks at school.

→ Tom is very lazy, _____

Đáp án: Tom is very lazy, so he can't get good marks at school.

Kiến thức: Liên từ

- Because: Bởi vì

- So: nên

Ta có: Because A, B. = A, so B.

Dịch: Bởi vì Tom rất lười biếng, anh ấy không thể đạt điểm cao ở trường.

=> Tom rất lười biếng nên anh ấy không thể đạt điểm cao ở trường.

40. Michael loves to play football after school.

→ Michael is fond _____

Đáp án: Michael is fond of playing football after school.

Kiến thức: Cụm từ

- be fond of: thích

Dịch: Michael thích chơi bóng đá sau giờ học.

=> Michael thích chơi bóng đá sau giờ học.